TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **127**/2026/QĐST- HNGĐ	*Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977;

Số định danh cá nhân: 030177009903.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975;

Số định danh cá nhân: 062075000721.

Cùng địa chỉ: Số E K, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Các đương sự có 02 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 27/10/1996 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 15/12/2003. Các con đã trên 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T đồng ý chịu toàn bộ 150.000 đồng, tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002048 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị T đã nộp đủ án phí. Hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 7 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS Khu vực 7 - Quảng Ngãi;
- UBND phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Tiến